|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 2141/KH-UBND | *Can Lộc, ngày 14 tháng 6 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH**

**Bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030**

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Tiến hành di dời, bố trí dân cư phục vụ phòng tránh thiên tai tại các khu vực nguy hiểm, triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ dân sinh; không còn trường hợp lấn hành lang đê, hành lang thoát lũ, vùng dễ sạt lở cần phải di dời khẩn cấp; gắn kết với chương trình giảm nghèo bền vững, chương trình xây dựng nông thôn mới, từng bước ổn định đời sống các hộ dân sau tái định cư, tiến tới hình thành các điểm dân cư mới có đầy đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

**II. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Thực hiện bố trí ổn định dân cư tại các vùng dễ ảnh hưởng do thiên tai nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, hỗ trợ người dân tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố quốc phòng, an ninh.

**2. Mục tiêu cụ thể**

Di dời bố trí khẩn cấp cho 108 hộ dân đang sinh sống trong khu vực đê sông nghèn, cố tình trạng lấn chiếm, gây ảnh hưởng đến dòng chảy, thoát lũ, có nguy cơ mất an toàn trong mùa mưa lũ tại địa bàn thị trấn Nghèn, Thiên Lộc, Tùng Lộc, Thuần Thiện.

**III. NHIỆM VỤ**

**Giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 cần bố trí ổn định cho 108 hộ, trong đó:**

**1. Phân theo hình thức bố trí dân cư**

- Bố trí dân cư xen ghép:108 hộ;

**2. Phân theo địa bàn bố trí dân cư**

- Xã Thiên Lộc: 01 hộ;

- Xã Thuần Thiện: 8 hộ.

- Thị trấn Nghèn: 9 hộ.

- Xã Tùng Lộc: 90 hộ.

**3. Phân theo đối tượng bố trí dân cư**

- Hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng 108 hộ;

**4. Phân theo thời gian thực hiện**

a) Giai đoạn 2022-2025 40 hộ, trong đó:

- Năm 2022: 10 hộ; - Năm 2023: 10 hộ;

- Năm 2024: 10 hộ; - Năm 2025: 10 hộ;

b) Giai đoạn 2026-2030: 68 hộ.

**IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

1. **Về tuyên truyền vận động.**

Huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội và cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu rõ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tích cực tham gia cùng chính quyền các cấp thực hiện bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

**2. Về quy hoạch, kế hoạch.**

Rà soát nội dung bố trí ổn định dân cư bảo đảm phù hợp với các quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan, đáp ứng yêu cầu về đất ở, đất sản xuất, nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt, các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với phong tục tập quán của người dân từng vùng, từng địa phương và phát triển bền vững.

1. **Về bố trí đất ở, đất sản xuất.**

- Căn cứ quy định của pháp luật về đất đai và các quy định của pháp luật có liên quan, các xã, thị trấn có phương án giao đất ở, đất sản xuất cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án bố trí ổn định dân cư, đảm bảo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế, tập quán ở địa phương. Thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất ở đối với các hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

**3. Về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí ổn định dân cư tập trung.**

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí ổn định dân cư tập trung bao gồm các hạng mục: Bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có); san lấp mặt bằng đất ở tại điểm tái định cư; khai hoang đất sản xuất (đối với khai hoang tập trung); đường giao thông (nội vùng dự án và đường nối điểm dân cư mới đến tuyến giao thông gần nhất); thuỷ lợi, điện sinh hoạt, nước sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác.

**4. Về hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình, cá nhân**

- Hỗ trợ trực tiếp các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình, bao gồm: Di chuyển người và tài sản, khai hoang, nhà ở, lương thực (trong thời gian đầu tại nơi tái định cư), nước sinh hoạt (nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung).

**5. Về hỗ trợ địa bàn nơi bố trí dân cư xen ghép**

Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất), xây mới hoặc nâng cấp , thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình điện sinh hoạt, công trình cấp nước cộng đồng và một số công trình hạ tầng thiết yếu khác. Các hạng mục công trình được lựa chọn để nâng cấp hoặc đầu tư mới theo thứ tự ưu tiên, có sự tham gia của cộng đồng người dân sở tại.

**6. Về hỗ trợ phát triển sản xuất.**

- Hỗ trợ vùng dự án bố trí ổn định dân cư phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác; xây dựng các mô hình, dự án phát triển sản xuất, vùng nguyên liệu, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chế biến, bảo quản, thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn; thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), hình thành các sản phẩm OCOP đa giá trị gắn với lợi thế vùng, miền, quốc gia; thúc đẩy phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng địa phương.

- Ưu tiên hỗ trợ các hộ gia đình về tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, giống, thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất, vay vốn tín dụng chính sách và vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định hiện hành.

**7. Về phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm**

Hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ gia đình được bố trí đến vùng dự án bố trí ổn định dân cư, đặc biệt với những hộ không bảo đảm quỹ đất sản xuất nông nghiệp để ổn định đời sống.

**8. Về nâng cao năng lực quản lý, thực hiện Chương trình:**

Xây dựng nội dung, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình cho cán bộ, công chức, người làm công tác bố trí dân cư và bảo đảm kinh phí chỉ đạo thực hiện Chương trình ở các cấp.

**IV. KINH PHÍ, NGUỒN VỐN THỰC HIỆN**

**Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030: 54.000 triệu đồng, trong đó:**

**- Phân theo giai đoạn:**

+ Giai đoạn 2022-2025: 30.000 triệu đồng

+ Giai đoạn 2026-2030: 14.000 triệu đồng

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Chương trình; tổng hợp, xây dựng kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình các cơ quan liên quan theo quy định.

b) Hàng năm, xây dựng dự toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nội dung nhiệm vụ để tổ chức thực hiện

c) Rà soát, tổng hợp các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư cấp bách do các địa phương đề xuất và phối hợp với các cơ quan liên quan.

d) Chủ trì xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng về công tác bố trí ổn định dân cư và phối hợp với các địa phương, các cơ sở đào tạo trong việc tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, người làm công tác bố trí dân cư các cấp.

**2. Phòng Tài chính- Kế hoạch**

a. Căn cứ đề xuất của phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương, tổng hợp các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư vào kế hoạch bố trí vốn trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

b. Phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

c. Tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thường xuyên hằng năm để thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

d. Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

**3. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn**

a. Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương; chỉ đạo rà soát quy hoạch, lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư theo quy định.

b. Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình trung hạn và hàng năm giai đoạn 2021 - 2025 gửi các cơ quan cấp trên theo quy định.

c. Chủ động bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương, kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để triển khai thực hiện chương trình.

d. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình tại địa phương.

e) Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hàng năm và giai đoạn 2021 - 2025, đề xuất các giải pháp thực hiện có hiệu quả lên UBND huyện để tổng hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Sở NN và PTNT;  - Thường trực HU, TT HĐND huyện;  - Chủ tịch, các PCT UBND huyện;  - Các đơn vị: thị trấn Nghèn; Tùng Lộc, Thiên Lộc, Thuần Thiện;  - Lưu: VT, NN. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Trần Mạnh Sơn** |